ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 04 /2017/QĐ-UBND	*Sóc Trăng, ngày 23 tháng 01 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá dịch vụ đo đạc thửa đất trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ và cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 50/2013/TT-BTNMT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà đất và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định giá dịch vụ đo đạc thửa đất trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ và cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

- Quy định không áp dụng đối với trường hợp người quản lý, sử dụng đất đề nghị đo đạc theo yêu cầu.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đơn giá đo đạc địa chính thửa đất (chưa bao gồm thuế VAT)

1. Đất đô thị

a) Thửa đất có diện tích dưới 100 m^2, mức thu: 1.575.303 đồng;

b) Thửa đất có diện tích từ 100 m^2 đến 300 m^2, mức thu: 1.870.672 đồng;

c) Thửa đất có diện tích trên 300 m^2 đến 500 m^2, mức thu: 1.982.333 đồng;

d) Thửa đất có diện tích trên 500 m^2 đến 1.000 m^2, mức thu: 2.428.592 đồng;

đ) Thửa đất có diện tích trên 1.000 m^2 đến 3.000 m^2, mức thu: 3.334.090 đồng;

e) Thửa đất có diện tích trên 3.000 m^2 đến 10.000 m^2, mức thu: 5.119.735 đồng.

2. Đất ngoài khu vực đô thị

a) Thửa đất có diện tích dưới 100 m^2, mức thu: 1.051.631 đồng;

b) Thửa đất có diện tích từ 100 m^2 đến 300 m^2, mức thu: 1.248.812 đồng;

c) Thửa đất có diện tích trên 300 m^2 đến 500 m^2, mức thu: 1.327.746 đồng;

d) Thửa đất có diện tích trên 500 m^2 đến 1.000 m^2, mức thu: 1.616.914 đồng;

đ) Thửa đất có diện tích trên 1.000 m^2 đến 3.000 m^2, mức thu: 2.215.060 đồng;

e) Thửa đất có diện tích trên 3.000 m^2 đến 10.000 m^2, mức thu: 3.417.801 đồng.

3. Mức đo đạc thửa đất có diện tích lớn hơn 10.000 m^2 (01 ha) như sau:

a) Mức trích đo tại một thửa đất trên 01 ha đến 10 ha tính bằng 1,2 mức đo đạc thửa đất từ trên 3.000 m^2 đến dưới 10.000 m^2;

b) Mức trích đo tại một thửa đất trên 10 ha đến 50 ha tính bằng 1,3 mức đo đạc thửa đất từ trên 3.000 m^2 đến dưới 10.000 m^2;

c) Mức trích đo tại một thửa đất trên 50 ha đến 100 ha tính bằng 1,4 mức đo đạc thửa đất từ trên 3.000 m^2 đến dưới 10.000 m^2;

d) Mức trích đo tại một thửa đất trên 100 ha đến 500 ha tính bằng 1,6 mức đo đạc thửa đất từ trên 3.000 m^2 đến dưới 10.000 m^2;

đ) Mức trích đo tại một thửa đất trên 500 ha đến 1.000 ha tính bằng 1,8 mức đo đạc thửa đất từ trên 3.000 m^2 đến dưới 10.000 m^2;

e) Mức trích đo tại một thửa đất trên 1.000 ha đến 5.000 ha: Cứ 01 km đường ranh giới sử dụng đất được tính 0,40 công nhóm.

4. Đối với hợp đồng đo đạc từ 02 thửa đất trở lên của cùng một chủ sử dụng đất trong cùng một khóm, ấp: Từ thửa thứ 02 trở đi, đơn giá tính bằng 80% đơn giá nêu trên.

5. Đơn giá nêu trên được tính cho trường hợp đo đạc độc lập (không đo nối với lưới tọa độ Quốc gia).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 02 năm 2017.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước, Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiểu

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- VP.Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ TN&MT;
- Cục Kiểm tra Văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh ST;
- UBMTTQVN tỉnh, các Đoàn thể tỉnh;
- Báo ST, Đài PTTH tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- Hộp thư điện tử: phongkiemtravanban2012@gmail.com;
- Lưu: VT, KT, TH, XD, NC. (62b)